

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI THƠ
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Quận 1, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q2/2024	Ước thực hiện Q2-2024/Dự toán năm (%)	Ước thực hiện Quý 2-2024/Cùng kỳ năm trước (%)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí lệ phí	2.101.800.000	871.660.000	41,5%	159,4%
1	Thu học phí	471.000.000	286.260.000	60,8%	408,5%
2	Thu sự nghiệp khác	1.630.800.000	585.400.000	35,9%	122,8%
	- Tổ chức phục vụ, vệ sinh bán trú	833.800.000	265.650.000	31,9%	100,4%
	- Phục vụ ăn sáng	332.200.000	81.840.000	24,6%	89,0%
	- Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	81.000.000	600.000	0,7%	#DIV/0!
	- Tiền công GV nuôi dưỡng theo NQ04	133.800.000	31.960.000	23,9%	#DIV/0!
	- Tổ chức giảng dạy năng khiếu, Giáo dục kỹ năng sống, anh văn	70.000.000	84.100.000	120,1%	137,1%
	- Tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	180.000.000	121.250.000	67,4%	205,5%
II	Chi từ nguồn thu được để lại	1.880.784.000	534.592.786	28,4%	103,8%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	1.880.784.000	534.592.786	28,4%	103,8%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.880.784.000	534.592.786	28,4%	103,8%
	- Học phí công lập	282.600.000	60.840.000	21,5%	74,4%
	- Tổ chức phục vụ, vệ sinh bán trú	817.124.000	263.543.486	32,3%	98,0%
	- Phục vụ ăn sáng	325.556.000	65.211.300	20,0%	83,2%
	- Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	79.380.000	0	0,0%	0,0%
	- Tiền công GV nuôi dưỡng theo NQ04	131.124.000	25.038.000	19,1%	#DIV/0!
	- Tổ chức giảng dạy năng khiếu, Giáo dục kỹ năng sống, anh văn	68.600.000	119.960.000	174,9%	238,3%
	- Tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	176.400.000	0	0,0%	#DIV/0!
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
III	Số phí nộp ngân sách nhà nước, Thuế	32.616.000	0	0,0%	#DIV/0!
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.541.530.207	1.891.199.735	25,1%	127,0%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	7.541.530.207	1.891.199.735	25,1%	127,0%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.297.545.528	944.634.479	28,6%	135,2%
a	Lương và phụ cấp theo lương	2.065.254.018	675.877.217	32,7%	143,0%
	- Lương theo ngạch, bậc	1.225.085.172	431.297.547	35,2%	142,4%
	- Phụ cấp chức vụ	42.746.003	13.296.007	31,1%	135,2%
	- Phụ cấp ưu đãi nghề	524.975.517	153.049.218	29,2%	142,4%
	- Phụ cấp TN vượt khung; TN nhà giáo	272.447.326	78.234.445	28,7%	149,6%
b	Các khoản đóng góp theo lương	363.109.510	122.864.587	33,8%	143,3%
	- Bảo hiểm xã hội	270.895.966	91.494.904	33,8%	143,3%
	- Bảo hiểm y tế	46.423.772	15.684.842	33,8%	143,3%
	- Kinh phí công đoàn	30.314.849	10.456.562	34,5%	143,3%
	- Bảo hiểm thất nghiệp	15.474.923	5.228.279	33,8%	143,3%
c	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	257.782.000	44.692.924	17,3%	110,8%
	- Tiền điện	100.000.000	26.554.804	26,6%	111,0%
	- Tiền nước	85.182.000	18.138.120	21,3%	110,4%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q2/2024	Ước thực hiện Q2-2024/Dự toán năm (%)	Ước thực hiện Quý 2-2024/Cùng kỳ năm trước (%)
	- Thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	9.600.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Khoán công tác phí	12.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Tổ chức hội nghị, khánh tiết	30.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Tiền sách báo, tạp chí	1.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Vật tư văn phòng khác	20.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
d	Chi phí sửa chữa, bảo trì	20.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
e	Chi phí mua sắm	150.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Chi mua hàng hóa vật tư chuyên môn	50.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
	- Tài sản và thiết bị văn phòng	100.000.000	0	0,0%	#DIV/0!
f	Thuê lao động trong nước	400.000.000	101.199.751	25,3%	101,2%
g	Chi khác	41.400.000	0	0,0%	#DIV/0!
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên - Chênh lệch LCS (Nguồn 14)	266.551.472	-113.856.096	-42,7%	#DIV/0!
	- Lương theo ngạch, bậc	102.578.828	-60.398.850	-58,9%	#DIV/0!
	- Phụ cấp chức vụ	4.773.997	-2.046.003	-42,9%	#DIV/0!
	- Phụ cấp ưu đãi nghề	97.998.483	-22.475.517	-22,9%	#DIV/0!
	- Phụ cấp TN vượt khung; TN nhà giáo	30.052.674	-11.547.516	-38,4%	#DIV/0!
	- Bảo hiểm xã hội	22.699.034	-12.948.666	-57,0%	#DIV/0!
	- Bảo hiểm y tế	3.907.228	-2.219.772	-56,8%	#DIV/0!
	- Kinh phí công đoàn	3.239.151	-1.479.849	-45,7%	#DIV/0!
	- Bảo hiểm thất nghiệp	1.302.077	-739.923	-56,8%	#DIV/0!
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1.718.229.000	520.988.880	30,3%	191,8%
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ học phí năm học 2023-2024	245.340.000	221.580.000	90,3%	#DIV/0!
	- KP thu hút GVMN theo Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND	371.760.000	82.150.000	22,1%	80,0%
	- Kinh phí làm thêm giờ	260.904.000	123.150.380	47,2%	134,2%
	- KP hỗ trợ GVMN theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND	379.225.000	94.108.500	24,8%	121,8%
	- KP sửa chữa trường năm 2024 (số 1516/QĐ-UBND)	461.000.000			
1.4	KP nhiệm vụ không TX chi trả thu nhập tăng thêm theo NQ08/2023 (nguồn 14)	2.259.204.207	539.432.472	23,9%	104,0%
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0,0%	0,0%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0,0%	0,0%

C. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 2 năm 2024:

I. Tổng thu sự nghiệp ước thực hiện trong Quý 2/2024 là: 871.660.000 đồng; đạt 24,3% so với dự toán đầu năm 41,5% và đạt 159,4% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước.

II. Tổng chi ngân sách ước thực hiện trong quý 2/2024 là:

1. Chi từ nguồn thu được để lại: Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là: 534.592.786 đồng; đạt 28,4% so với dự toán đầu năm và đạt 103,8% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước: Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là 1.891.199.735 đồng; đạt 25,1% so với dự toán giao đầu năm và đạt 127% so với cùng kỳ năm trước

Trong đó:

2.1. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13): Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là 944.634.479 đồng; đạt 28,6% so với dự toán giao đầu năm và đạt 135,2% so với cùng kỳ năm trước

2.2. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14): Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là -113.856.096 đồng; đạt -42,7% so với dự toán giao đầu năm do điều chỉnh chi chênh lệch lương CS sang nguồn 13;

2.3. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12): Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là 520.988.880 đồng; đạt 30,3% so với năm và đạt 191,8% so với cùng kỳ năm trước

2.4. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 14): Ước thực hiện Quý 2/2024 số tiền là 539.432.472 đồng; đạt 23,9% so với năm và đạt 191,8% so với cùng kỳ năm trước

KẾ TOÁN


Lưu Quang Dũng



Nguyễn Thị Phương Mai